CTCP Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt (UPCOM: VHH)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.5%	-2.7%	5.9%

DT thuần

2024

68.6

tỷ VNĐ

YoY
▲ 18.2
▲ 36.0%

LN gộp

2024

-0.21

tỷ VNĐ

YoY
▲ 1.93
▲ 90.3%

LN thuần

2024

-4.15

tỷ VNĐ

YoY
▲ 1.57
▲ 27.5%

LN sau thuế

2024

-6.39

tỷ VNĐ

YoY
▼ 0.47
▼ 7.9%

ROE

2024

-44.5%

+/- YoY
▼ 15.5%

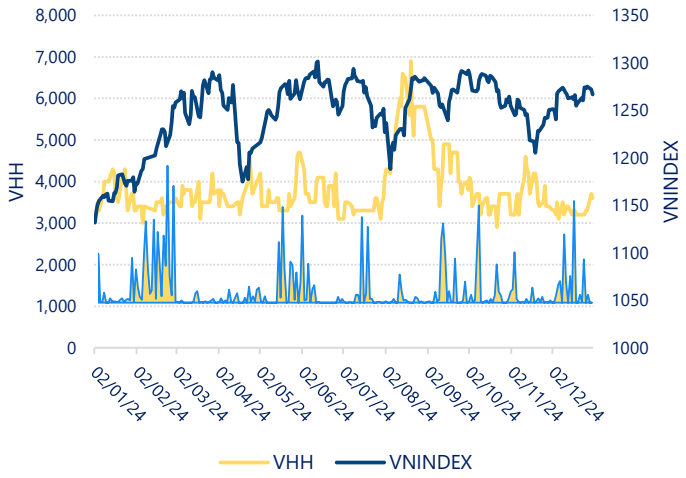
ROA

2024

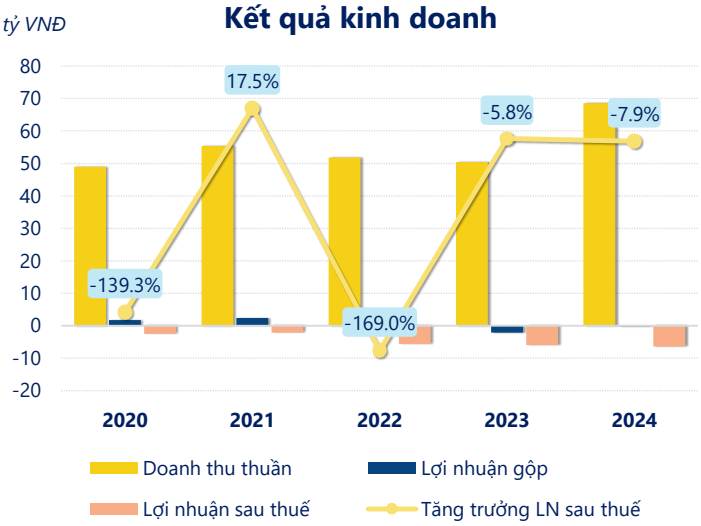
-12.7%

+/- YoY
▼ 1.5%

Lịch sử giá

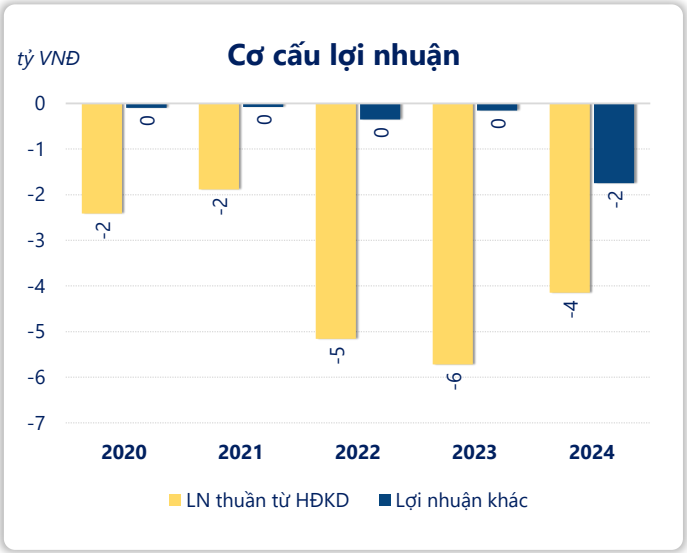


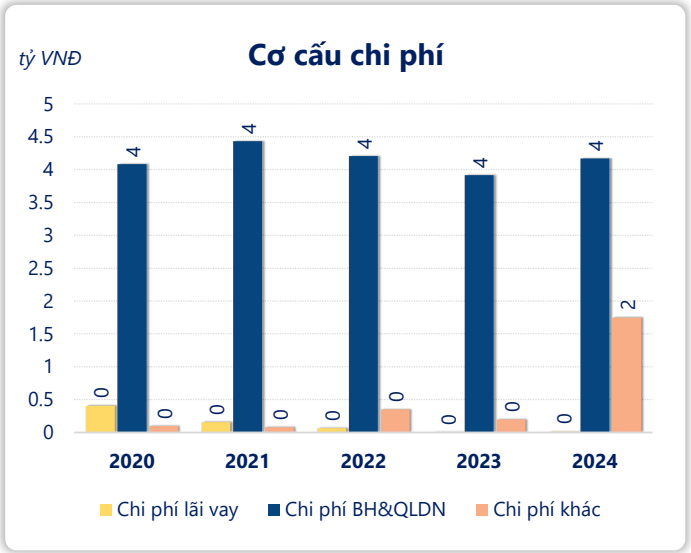
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **VHH** ghi nhận doanh thu thuần **68.60** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-6.39** tỷ đồng, lần lượt **tăng 36.0%** và **giảm 7.91%** so với năm trước.

Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -44.5% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

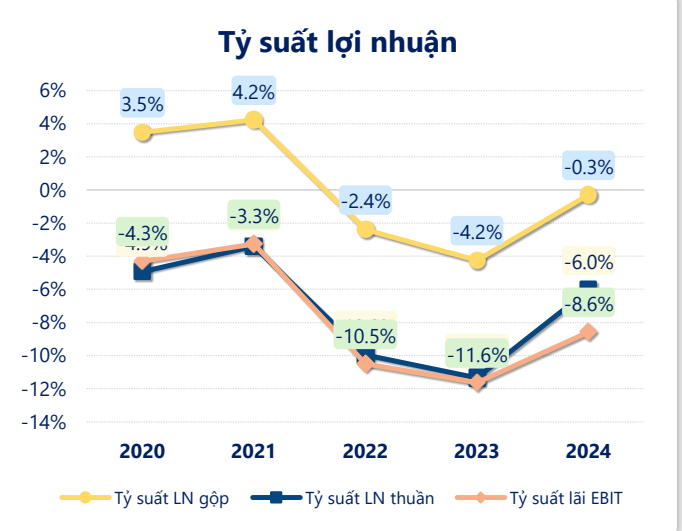


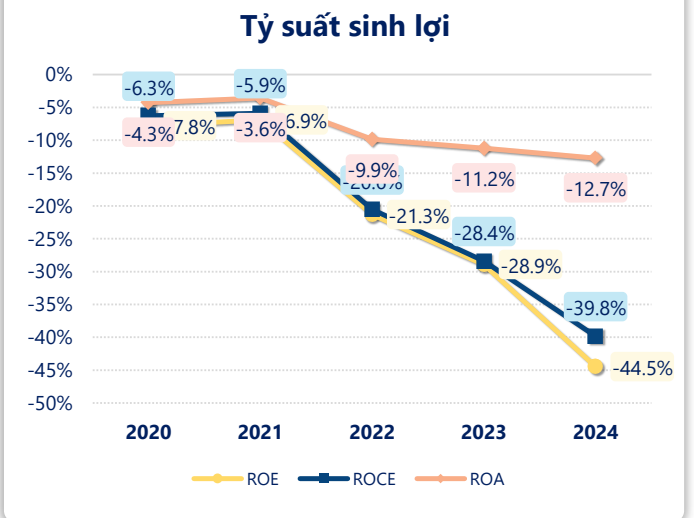


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VHH** năm **2024 tăng lên 1.57** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 4.15 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 5.72 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

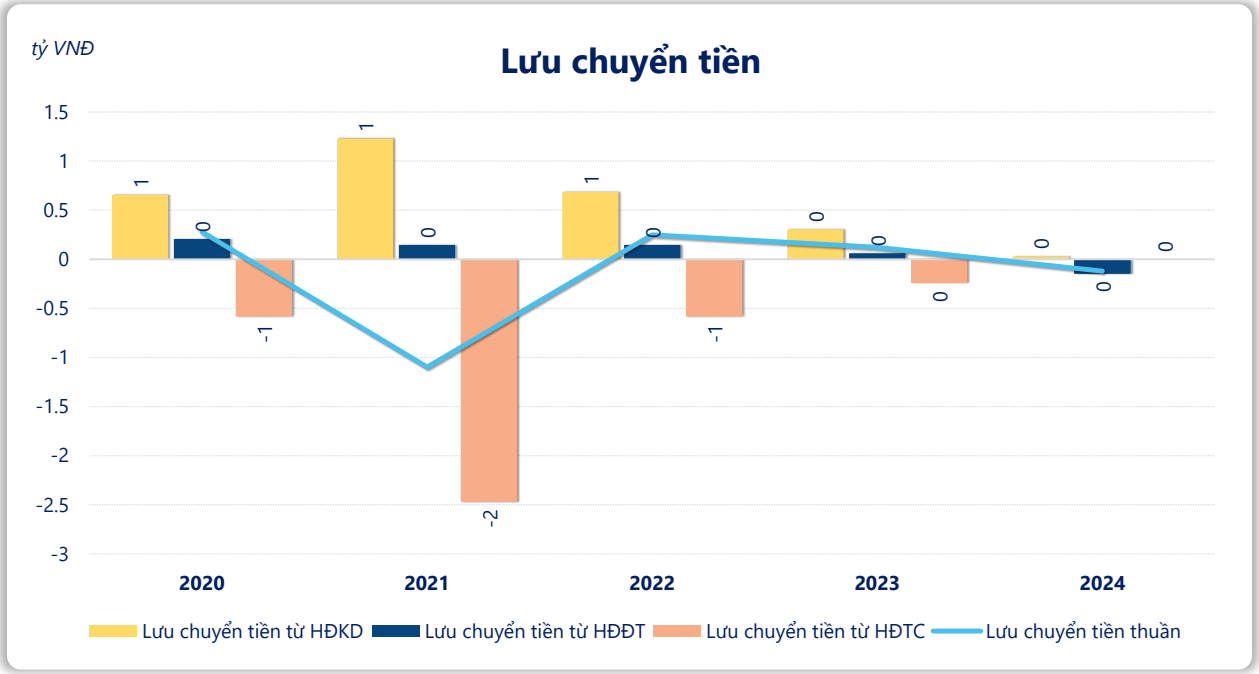
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.01** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **4.17** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.75** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VHH năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-44.5%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**48.9**	**55.3**	**51.8**	**50.4**	**68.6**
Giá vốn hàng bán	47.2	53.0	53.1	52.6	68.8
Lợi nhuận gộp	**1.70**	**2.34**	**-1.24**	**-2.14**	**-0.21**
Doanh thu HĐTC	0.38	0.37	0.36	0.34	0.24
Chi phí TC	0.41	0.15	0.07	0.01	0.01
Chi phí lãi vay	**0.41**	**0.15**	**0.07**	**0.01**	**0.01**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.42	1.65	1.36	0.88	0.89
Chi phí QLDN	2.67	2.79	2.84	3.03	3.28
LN thuần từ HĐKD	**-2.41**	**-1.88**	**-5.16**	**-5.72**	**-4.15**
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.08	-0.35	-0.16	-1.75
LN trước thuế	**-2.51**	**-1.96**	**-5.51**	**-5.88**	**-5.89**
Lợi nhuận sau thuế	**-2.52**	**-2.08**	**-5.59**	**-5.92**	**-6.39**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.52**	**-2.08**	**-5.59**	**-5.92**	**-6.36**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VHH bằng **-0.12** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (0.12 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **0.03** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.15** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.